

Bản án số: 59 /2022/HSST
Ngày: 29/4/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A, THÀNH PHỐ HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân

- 1) Ông Phạm Văn Minh
- 2) Bà Lưu Thị Hà

- **Thư ký phiên Tòa:** Bà Nguyễn Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận A, Thành phố HN.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận A-Thành phố HN tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thu Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận A, Thành phố HN, đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 45/2022/HSST, ngày 04 tháng 4 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo: Họ và tên: N.B.N, sinh năm 1991. HKTT: Tổ 1 MTH, phường MT, quận N, Thành phố HN. Chỗ ở hiện tại: Không cố định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông N.T sinh năm 1969. Con bà T.T.H sinh năm 1969. Chồng: Đ.M.H sinh năm 1991. Gia đình có hai anh chị em, bị cáo là con thứ nhất. Có 02 con, lớn sinh năm 2010 nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 000000144 lập ngày 18/01/2022 tại Công an quận A và lý lịch bị can thể hiện bị cáo có 01 tiền sự , ngày 23 tháng 9 năm 2009 Công an huyện TL, Thành phố HN xử phạt hành chính về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 18/01/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố HN. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh N.N.T sinh năm 1981

Trú tại: 14/34 NCM, phường NS, quận K, Thành phố HP.

(Có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 7/2019, qua mạng xã hội Zalo, anh T sử dụng tài khoản “JimTan” kết bạn với N.B.N có nick “Ali” (N xưng tên là N.T.B.N). Đến khoảng 21h00’ ngày 13/11/2019, anh T điều khiển xe máy Honda SH 150, BKS: 15B3 - 193.29 chở N đến quán cafe Aha, địa chỉ: Số 8 ngách 22/30 phố PV, BD, A, HN để uống nước. Khoảng 30 phút sau, N mượn xe máy của anh T nói đi đón bạn

và mượn anh T 01 điện thoại Iphone 8 do điện thoại của N hết pin. Anh T đồng ý và đưa chìa khóa xe, điện thoại cho N. Khi đó, N tháo sim điện thoại trong máy của anh T ra đưa lại cho anh T và lắp sim điện thoại của N vào máy điện thoại của anh T. Anh T khai trong cốp xe SH có 01 kính mắt Ray ban đã qua sử dụng và số tiền 50.000.000 đồng. Anh T ngồi đợi N khoảng 30 phút nhưng không thấy N quay lại trả xe, gọi điện thoại cho N và điện thoại Iphone 8 Plus nhưng không liên lạc được. Do nghi ngờ bị N chiếm đoạt tài sản nên anh T đã đến cơ quan công an trình báo vụ việc.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận A đã tiến hành trưng cầu định giá đối với số tài sản của anh T bị N chiếm đoạt. Tại bản kết luận định giá tài sản số 40 ngày 22/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150 màu trắng đen, BKS: 15B3 - 183.29, SM: KF25E0044975, SK: 2509GY044926 đã qua sử dụng trị giá 85.000.000 đồng;

- 01 điện thoại Iphone 8 Plus bản 64GB đã qua sử dụng trị giá 5.000.000 đồng;

- 01 kính mắt rayban đã qua sử dụng trị giá 500.000 đồng

Tổng giá trị tài sản là **90.500.000 đồng** (*Chín mươi triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngày 21/3/2020, Cơ quan điều tra triệu tập N.B.N đến làm việc. Tại cơ quan điều tra, N.B.N khai nhận: Khoảng tháng 7/2019, N.B.N kết bạn qua mạng xã hội Zalo với anh N.N.T (có nick “JimTan”). Khoảng 21h00’ ngày 13/11/2019, anh T điều khiển xe máy Honda SH 150, BKS: 15B3 - 193.29 chở N đến quán cafe Aha uống nước và gặp bạn của N là K.A (chưa xác định được nhân thân lai lịch). Do không gặp được K.A nên N gọi điện thoại thì K.A nói lái xe đến đón. N mượn xe máy của anh T, anh T đồng ý. Do điện thoại của N hết pin nên N tiếp tục mượn điện thoại Iphone 8 Plus của anh T, anh T đồng ý. N và anh T có thỏa thuận khi đón bạn quay trở về, N sẽ trả lại xe và điện thoại cho anh T. N điều khiển xe máy trên đến khu vực C, quận HK, HN đón K.A. Tại đây, N và K.A ngồi uống nước. Một lúc sau, anh T gọi điện cho N, N nói anh T ngồi chờ. Do sau khi ngồi uống nước với K.A xong thì trời mưa và khi đó đã rất muộn nên N không mang xe trả cho anh T như đã hẹn và dự định trả xe cho anh T vào sáng hôm sau. Sau đó, N điều khiển xe máy trên về nhà và gửi xe tại Chung cư CT9 TVL, phường MĐ, N, HN. Anh T tiếp tục gọi điện nhưng N không nghe máy. Sáng hôm sau, do cần tiền để tiêu sài cá nhân nên N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tài sản đã mượn của anh T. Ngày 20/11/2019, N sử dụng mạng xã hội Facebook rao bán chiếc xe trên và có một người đàn ông gọi điện thoại cho N và thỏa thuận mua xe với giá 20.000.000 đồng. N đồng ý bán và hẹn địa điểm giao dịch tại Số 1 LD, HN. N rủ bạn là L.A.T (SN: 1992, HKTT: Tổ 12 GN, TL, HM, HN) đi cùng. Tại đây, N gặp và bán xe cho người đàn ông trên được 20.000.000đ. Số tiền này, N đã tiêu sài cá nhân hết. Chiếc điện thoại Iphone 8 Plus N giữ lại để sử dụng.

Ngày 09/9/2020 CQĐT- Công an quận A khởi tố bị can đối với N.B.N về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và ra lệnh bắt bị can để tạm giam nhưng N bỏ trốn không có mặt tại địa phương. Ngày 18/10/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận A đã ra Quyết định truy nã số 14 đối với bị can N.B.N.

Ngày 18/01/2022 Công an xã TH, huyện LH, tỉnh LD đã bắt được N.B.N theo Lệnh truy nã số 14 ngày 18/10/2020 của Công an quận A. Tại cơ quan công an,

N.B.N khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Đối với số tài sản trong cốp xe máy, N khai có mở cốp xe ra xem, thấy trong cốp xe có 01 chiếc kính râm nhãn hiệu Rayban ngoài ra không có tài sản gì khác. Do không có nhu cầu sử dụng nên khi bán xe, N không lấy lại kính. Lời khai của N phù hợp với lời khai bị hại, người liên quan và các tài liệu điều tra thu thập được.

Đối với số tiền 50.000.000đ ban đầu khi trình báo cơ quan công an anh T khai để trong cốp xe, nay anh T nhớ lại và thay đổi lời khai khi giao xe cho N, anh T không để số tiền này trong cốp.

Tại bản cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận A đã truy tố bị cáo N.B.N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận A sau khi tóm tắt nội dung sự việc, đánh giá lời khai của bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; trình bày lời luận tội và đề nghị như sau:

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Điều 47 và 48 của Bộ luật hình sự: Xử phạt N.B.N từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bắt.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường trả cho anh N.N.T 85.500.000 đồng. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận A, Thành phố HN, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận A, Thành phố HN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2].Về hành vi phạm tội của bị cáo N.B.N: Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thấy có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi phạm tội lần này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 điều 175 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Hành vi lạm dụng chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật hình sự bảo vệ và gây mất trật tự trị an xã hội.

[3]. Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo có tiền tiền sự năm 2009 đã được xóa nhưng điều đó thể hiện bị cáo có nhân thân xấu. Sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan điều tra và chỉ bị bắt khi có lệnh truy nã và chưa bồi thường cho người bị hại.

Tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4]. Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập không ổn định, do vậy thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về dân sự: Ngày 22/01/2022 Cơ quan điều tra đã trả lại anh N.N.T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng hồng. Anh T yêu cầu N.B.N bồi thường số tiền 85.500.000 đ bao gồm trị giá xe máy SH 150 màu trắng đen, BKS: 15B3 - 183.29 và 01 chiếc kính nhãn hiệu Rayban chưa thu hồi được. do vậy thấy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T số tiền này.

[6]. Các vấn đề khác:

Đối với người mua xe máy N chiếm đoạt của anh T, bị cáo khai không biết nhân thân lai lịch người mua xe nên Cơ quan điều tra chưa thu hồi được xe máy do N chiếm đoạt. Tiến hành xác minh nguồn gốc chiếc xe máy Honda SH 150 màu trắng đen, BKS: 15B3 - 193.29, xe đăng ký tên N.M.T (địa chỉ: Khu 1, BS, K, HP) . Xác minh tại Công an phường BS, K, HP xác định hiện nay anh T đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ tháng 7 năm 2019. Anh T khai vào khoảng tháng 7/2019 anh mua lại chiếc xe máy trên của cửa hàng xe máy LC (địa chỉ tại số 306 phường T, thành phố HP) với giá 90.000.000đ. Khi mua, xe có giấy chứng nhận đăng ký và tới thời điểm hiện tại, anh T vẫn đang quản lý.

Đối với 01 điện thoại Samsung Galaxy A50 màu xanh tằm giữ của bị can N.B.N, N không sử dụng vào việc liên lạc trao đổi bán xe máy của anh T. Do vậy thấy cần trả lại bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm, những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm c khoản 2 điều 175 của Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật hình sự. Áp dụng các Điều 135, 299,

326, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng các Điều 585; 588 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật Thi hành án.

Tuyên bố bị cáo N.B.N phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo N.B.N 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 18/01/2022.

Về dân sự: Buộc bị cáo N.B.N phải bồi thường trả cho anh N.N.T 85.500.000 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Samsung Galaxy A50 màu xanh đã cũ hiện đang lưu tại Chi Cục thi hành án dân sự quận A theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/4/2022.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKS quận A;
- Công an quận A
- TAND Thành phố HN,
- VKSND TP HN;
- Phòng quản lý hồ sơ nghiệp vụ Công An Thành phố HN;
- Thi hành án dân sự quận A
- Bộ tư pháp
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thu Nga